TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 4 -2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Đoàn Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Ngạn;
2. Ông Hoàng Hồng Hà.

- Thư ký phiên toà: ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà*: bà Tống Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 33/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31-3-2020 giữa:

1. *Nguyên đơn*: chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1999;

ĐKHK: thôn N, thị trấn LC, huyện CG, tỉnh HD;

Nơi cư trú: thôn T, xã CĐ, huyện CG, tỉnh HD;

2. *Bị đơn*: anh **Nguyễn Văn Tiến H1**, sinh năm 1994;

ĐKHK và cư trú: thôn N, thị trấn LC, huyện CG, tỉnh HD.

3. *Người làm chứng*:

-. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: thôn N, thị trấn LC, huyện CG, tỉnh HD.

-. Bà Lương Thị T, sinh năm 1968;

Nơi cư trú: thôn T, xã CĐ, huyện CG, tỉnh HD.

(Chị H có mặt; anh H1, bà L, bà T đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17-02-2020, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: chị và anh Nguyễn Văn Tiến H1 tự do tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ đầu năm 2016, đến ngày 28-3-2017 đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn LC, huyện CG, tỉnh HD. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp tính cách, bất đồng về lối sống dẫn đến không có hạnh phúc. Chị nghi anh H1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến cuộc sống chung không còn tin tưởng, quan tâm, chia sẻ với nhau, giữa hai người luôn giữ khoảng cách, tình cảm lạnh nhạt; chị đã chuyển về gia đình bố mẹ đẻ ở thôn T, xã CĐ, huyện CG, tỉnh HD, vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân mặc dù được gia đình hai bên có động viên, hòa giải, anh H1 có sang tìm đón chị về nhưng chị nhận thấy không còn tình cảm nên không về đoàn tụ. Nay chị xác định vợ chồng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn anh H1.

Về con chung: chị và anh H1 có 01 con chung là Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 29-9-2016, chị H khẳng định đây là con chung của chị và anh H1, hiện nay đang ở cùng anh H1. Sau ly hôn, chị H đồng ý để anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20-02-2020, bị đơn anh Nguyễn Văn Tiến H1 trình bày: anh và chị H tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ đầu năm 2016, đến ngày 28-3-2017 vợ chồng mới ra UBND thị trấn LC làm thủ tục đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống đến giữa năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng vào tình cảm của nhau dẫn đến không còn sự quan tâm, chia sẻ như trước; luôn bất đồng trong cuộc sống và hay cãi nhau. Anh đã tìm nhiều cách tháo gỡ và nhờ gia đình hai bên khuyên bảo nhưng chị H không nghe, tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống; trong thời gian ly thân anh có sang tìm đón nhưng chị H không về, anh cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm. Chị H xin ly hôn, anh không nhất trí. Nếu chị H kiến quyết muốn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: anh cũng xác định vợ chồng có 01con chung là Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 29-9-2016. Từ khi vợ chồng ly thân con chung ở cùng

anh. Nếu ly hôn, anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi. Hiện nay anh đang làm nghề in phun, biển quảng cáo tại địa phương, thu nhập đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản và nợ chung, công sức: anh cũng không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09-3-2020, bà Lương Thị T (mẹ đẻ chị H) trình bày: anh H1, chị H tự nguyện chung sống từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn LC, huyện CG. Sống chung đến giữa năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16-3-2020, bà Hoàng Thị L (mẹ đẻ anh H1) trình bày: chị H và anh H1 xảy ra nhiều mâu thuẫn, gia đình đã khuyên bảo nhưng vợ chồng vẫn sống ly thân, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 16-3-2020, UBND thị trấn LC cung cấp: anh Nguyễn Văn Tiến H1 và chị Phạm Thị H có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn LC vào ngày 28/3/2017. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân, hai bên không có biện pháp khắc phục. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Chị H và anh H1 chỉ thống nhất được về giải quyết quan hệ con chung, còn tình cảm chị H xin ly hôn, anh H1 không đồng ý.

Tại phiên tòa: nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến như đã trình bày.

Bị đơn anh H1 vắng mặt, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo BLTTDS quy định. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị xử:

- Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn Tiến H1.

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 29-9-2016 cho anh H1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H1 không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí: chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: chị Phạm Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giải quyết ly hôn anh Nguyễn Văn Tiến H1, đồng thời giải quyết về con chung của vợ chồng khi ly hôn vì chị và anh H1 không thể thỏa thuận được với nhau; đây là những tranh chấp phát sinh trong hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh H1 cư trú tại thôn N, thị trấn LCách, huyện CG, tỉnh HD; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

Người tham gia tố tụng: anh Nguyễn Văn Tiến H1 là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn Tiến H1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn LC, huyện CG, tỉnh HD vào ngày 28-3-2017 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng đều xác định có mâu thuẫn do bất đồng về lối sống, luôn nghi ngờ về sự chung thủy dẫn đến tình cảm vợ chồng có khoảng cách, không còn hạnh phúc nên cả hai đã sống ly thân từ giữa năm 2019. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều, vợ chồng tìm các biện pháp khắc phục nhưng không cải thiện được. Chị H anh H1 đều nhận thấy vợ chồng khó đoàn tụ. Việc anh H1 không đồng ý ly hôn

không phải anh còn tình cảm với chị H mà vì thương con, mong muốn con có đầy đủ cả bố lẫn mẹ. Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan hệ con chung: chị H và anh H1 có 01 con chung là Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 29-9-2016. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu V ở cùng anh H1; nay anh chị đều thống nhất: sau ly hôn, anh H1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; anh H1 không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện tại, anh H1 đang làm nghề lắp biển quảng cáo, có thu nhập và nơi ở ổn định, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con phát triển tốt về mọi mặt. Việc chị H và anh H1 thống nhất được về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; HĐXX ghi nhận sự thống nhất về quan hệ con chung của anh chị. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H1 về việc không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: chị H, anh H1 đều không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không phải giải quyết;

[3] Về án phí: chị H là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Tiến H1.

Về quan hệ con chung: công nhận sự thống nhất giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn Tiến H1, sau ly hôn anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 29-9-2016 đến khi con chung thành niên hoặc khi anh H1, chị H có yêu cầu khác;

Chấp nhận sự tự nguyện của anh H1 về việc không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh H1.

Về án phí: chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà chị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0010179 ngày 18-02-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Về quyền kháng cáo: chị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm Giàng
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng
-UBND thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng *để ghi vào sổ hộ tịch*;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đoàn Thị Thúy

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đoàn Thị Thúy